

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/KDTM-ST

Ngày: 15/ 6/ 2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng

Góp vốn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

**Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan** - Thẩm phán

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Mai Văn Bé Em**

2. Bà **Lê Thị Mỹ**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tú**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà

**Thị Thu Thủy.**

Ngày 15 tháng 6 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 10/2013/TLST-KDTM ngày 20 tháng 02 năm 2013 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-KDTM, ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

\* **NguY đơn: Công ty TNHH SX-TM T&T** (Có mặt)

Địa chỉ: Lô C Cụm công nghiệp Quang Tr, đường Nguyễn Ảnh T, phường Hiệp Th, Quận 12, thành phố Hồ Chí M.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Đức T** – Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Lê Minh D**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 291 Trần P, phường 8, Quận 5, thành phố Hồ Chí M.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2012)

\* **Bị đơn: Công ty TNHH Biển T** (Vắng mặt)

Địa chỉ: F1 Huỳnh Thúc K, phường Vĩnh Q, Rạch G, Kiên G.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Hồng Y** – Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thanh N**

(Theo văn bản ủy quyền ngày 01/04/2013)

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/. Ông **Trần Văn Ch** , sinh năm 1940 (Đã chết)

2/. Bà **Giang Thị Y** , sinh năm 1941 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Lê B , xã Cửa C , huyện Phú Q c, tỉnh Kiên G .

**\* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Ch :**

- Trần Thị L(Vắng mặt)

- Trần Thị N (Vắng mặt)

- Trần Quốc H (Vắng mặt)

- Trần Văn H (Vắng mặt)

- Trần Văn Hu (Vắng mặt)

- Trần Quốc Th (Vắng mặt)

- Trần Thanh T (Có đơn xin vắng mặt)

- Trần Thị Bích Ph (Vắng mặt)

- Trần Mỹ H (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Lê B , xã Cửa C , huyện Phú Q c, tỉnh Kiên G .

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* NguY đơn Công ty TNHH sản xuất th m T&T do người đại diện theo pháp luật là ông Hồ Lê Minh D trình bày:** Vào ngày 16/8/2007 Công ty TNHH Biển T có gặp gỡ trao đổi và cho Công ty chúng tôi biết là họ đang có quyền sử dụng đất tại khu vực xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc nên kêu gọi chúng tôi đầu tư tiền để thực hiện dự án khu du lịch tại vị trí này.

Để tạo lòng tin nơi chúng tôi, Công ty TNHH Biển T có dẫn chúng tôi đi thực tế xem vị trí đất thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Biển T và khu đất lân cận do ông Ch và bà Y sử dụng mà Công ty TNHH Biển T cho rằng họ có mối quan hệ nên có thể mua lại phần đất này để làm dự án.

Ngày 16/8/2007 Công ty chúng tôi cùng với Công ty TNHH Biển T ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh. Theo đó Công ty chúng tôi sẽ đầu tư toàn bộ tiền để triển khai thực hiện dự án (Bao gồm khoảng 9.000.000.000 đồng trả tiền mua đất cho Công ty TNHH Biển T và đất của ông Ch , bà Y và tiền thực hiện dự án khoảng 20.000.000.000 đồng). Công ty TNHH Biển T chịu trách nhiệm góp vốn bằng QSD đất diện tích 15.000 m<sup>2</sup> do Công ty TNHH Biển T đang quản lý sử dụng và 15.000 m<sup>2</sup> do ông Ch và bà Y quản lý sử dụng, đồng thời Công ty TNHH Biển T chịu trách nhiệm tiến hành toàn bộ thủ tục hồ sơ xin cấp phép thực hiện dự án.

Ngay sau khi hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký kết cùng ngày 16/8/2007 Công ty TNHH Biển T và Công ty chúng tôi tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng năm

2007. Theo đó các bên thỏa thuận thời gian thực hiện hợp đồng là 270 ngày kể từ ngày Công ty chúng tôi chuyển tiền tạm ứng đợt 1.

Ngay sau khi ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh và phụ lục hợp đồng công ty chúng tôi đã chuyển số tiền đợt 1 là 1.350.000.000 đồng cho Công ty TNHH Biển T theo giấy nộp tiền ngày 30/8/2007 và lệnh chuyển tiền có xác nhận đã nhận tiền của Công ty TNHH Biển T cùng ngày.

Sau khi nhận được số tiền này, Công ty TNHH Biển T có tiến hành thực hiện một số công việc ban đầu để xin chủ trương thực hiện dự án.

Ngày 6/3/2008 Công ty chúng tôi cùng với Công ty TNHH Biển T ký kết văn bản thực hiện theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh. Theo đó, công ty chúng tôi tiếp tục chuyển cho Công ty TNHH Biển T số tiền đợt 2 là 2.700.000.000 đồng có xác nhận nhận tiền của Công ty TNHH Biển T .

Như vậy, Công ty chúng tôi đã chuyển cho Công ty TNHH Biển T tổng số tiền 4.050.000.000 đồng.

Tuy nhiên, cho đến nay Công ty TNHH Biển T vẫn không thực hiện được các thỏa thuận về việc xin được cấp giấy phép thực hiện dự án như đã thỏa thuận mặc dù thời hạn hợp đồng 270 ngày đã kết thúc từ lâu. Lý do không xin được theo giải thích của Công ty TNHH Biển T là do chủ trương chung của UBND tỉnh Kiên Giang ngưng không cấp phép thực hiện đối với những dự án như thế này và tiếp tục chờ chủ trương mới.

Nhận thấy thời gian thỏa thuận về việc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh là 270 ngày đã hết hạn nhưng dự án vẫn chưa thực hiện được. Đồng thời các bên cũng không có văn bản thỏa thuận về việc gia hạn thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh. Hơn nữa trong thỏa thuận tại khoản 2 Điều 5 Phụ lục ngày 16/8/2007 các bên thỏa thuận” Trong quá trình thực hiện nếu vì lý do khách quan dẫn đến việc không thực hiện được hợp đồng thì bên A có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận cho bên B”.

Nay Công ty chúng tôi yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký kết giữa các bên ngày 16/8/2007 và các phụ lục hợp đồng đã ký, đồng thời yêu cầu Công ty TNHH Biển T trả lại cho Công ty TNHH SX-TM T&T số tiền đã nhận 4.050.000.000 đồng.

\* Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguY đơn yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký kết giữa các bên ngày 16/8/2007 và các phụ lục hợp đồng đã ký giữa Công ty TNHH Biển T và Công ty TNHH SX-TM T&T, đồng thời yêu cầu Công ty TNHH Biển T trả lại cho Công ty SX-TM T&T số tiền đã nhận 4.050.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

**\* Tại biên bản hòa giải ngày 14/9/2017 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Biển T trình bày:** Công ty TNHH Biển T thừa nhận vào ngày 16/8/2007 công ty chúng tôi cùng với Công ty TNHH SX-TM T&T ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh. Theo đó Công ty TNHH SX-TM T&T đầu tư toàn bộ tiền để thực hiện dự án (Khoảng 9.000.000.000 đồng trả tiền mua đất, tiền thực hiện dự án khoảng 20.000.000.000 đồng) Công ty TNHH Biển T chịu trách nhiệm góp vốn bằng QSD đất diện tích 15.000 m<sup>2</sup> do Công ty TNHH Biển T đang quản lý sử dụng và 15.000 m<sup>2</sup> do ông Ch và bà Y quản lý sử dụng, đồng thời Công ty TNHH Biển T chịu trách nhiệm tiến hành toàn bộ thủ tục hồ sơ xin cấp phép thực hiện dự án. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 270 ngày kể từ ngày Công ty TNHH SX-TM T&T chuyển tiền tạm ứng đợt 1. Ngay sau khi ký kết hợp đồng Công ty TNHH SX-TM T&T đã chuyển số tiền đợt 1 là 1.350.000.000 đồng cho Công ty TNHH Biển T ; đến ngày 6/3/2008 Công ty TNHH SX-TM T&T tiếp tục chuyển cho Công ty TNHH Biển T số tiền đợt 2 là 2.700.000.000 đồng. Như vậy, Công ty TNHH SX-TM T&T đã chuyển cho Công ty TNHH Biển T tổng số tiền 4.050.000.000 đồng.

Tuy nhiên, hợp đồng không thực hiện được là do chủ trương chung của UBND tỉnh Kiên Giang ngưng không cấp phép thực hiện đối với những dự án như thế này và tiếp tục chờ chủ trương mới.

Nay Công ty TNHH Biển T xin gia hạn 03 tháng kể từ ngày nay để chờ đối tác mới hoặc có chủ trương mới của UBND tỉnh Kiên Giang. Nếu sau 03 tháng mà Công ty TNHH Biển T không tìm được đối tác đầu tư mới cũng như có S thay đổi chủ trương mới của UBND tỉnh Kiên Giang thì Công ty TNHH Biển T sẽ trả lại toàn bộ số tiền 4.050.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 01/01/2009 đến nay cho Công ty T&T.

Tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH Biển T vắng mặt.

**\* Tại tờ tường trình ngày 9/3/2013 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Y trình bày:** Vào năm 1981 gia đình tôi có khai khẩn thửa đất ngang 150m x dài 200m tại Bãi Đá Ông, ấp 4, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, Kiên Giang.

Đến ngày 18/6/2007 ông Ch có làm hợp đồng thỏa thuận về việc hợp thức hóa QSD đất với ông Nguyễn Văn S. Theo thỏa thuận thì gia đình tôi giao cho ông S làm các thủ tục xin hợp thức hóa QSD đất. Nhưng trong thời gian hợp đồng với ông S thì ông S có dẫn gia đình tôi đến Rạch Giá và giới thiệu cho gia đình tôi với Công ty TNHH Biển T , tôi và Công ty TNHH Biển T có ký kết hợp đồng kinh tế vào ngày 31/7/2007 giao cho Công ty TNHH Biển T nhận trách nhiệm mọi thủ tục giấy tờ.

Vợ chồng tôi có nhận được lần đầu số tiền ứng của Công ty TNHH Biển T số tiền là 100.000.000 đồng, lần 2 vợ chồng tôi nhận thêm số tiền là 1.200.000.000 đồng của

Công ty TNHH Biển T nhưng ông Ch ứng lại cho ông Nguyễn Văn S 350.000.000 đồng, chúng tôi còn lại là 950.000.000 đồng. Đến năm 2011 ông Ch qua đời.

Trong suốt thời gian qua từ ngày ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Biển T gia đình tôi chỉ biết chờ đợi thông báo của Công ty TNHH Biển T để được hưởng phần chia đôi diện tích đất của vợ chồng tôi. Đối với việc tranh chấp giữa Công ty TNHH Biển T và Công ty TNHH SX-TM T&T như thế nào thì chúng tôi không hề biết, chúng tôi chỉ biết Công ty TNHH Biển T .

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương S đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân S. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử, vụ án được thụ lý ngày 20/02/2013 đến ngày 11/5/2020 Thẩm phán mới quyết định đưa vụ án ra xét xử là đã vi phạm quy định tại Điều 203 BLTTDS. Bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ch đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ch .

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH sản xuất th m T&T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Biển T trả lại tiền vốn góp theo hợp đồng góp vốn đầu tư được ký kết giữa đôi bên; đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại. Bị đơn có trụ sở tại Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ các Điều 30, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân S, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Y và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ch - ông Trần Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ch vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân S, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ch .

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguY đơn:

Căn cứ hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án khu du lịch sinh thái ký ngày 16/8/2007 giữa Công ty TNHH Biển T với Công ty TNHH sản xuất thương mại T &T và S xác nhận của ông Trần Văn Ch , bà Giang Thị Y , Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc hợp tác góp vốn đầu tư giữa đôi bên là có thật.

Xét yêu cầu của nguY đơn yêu cầu bị đơn trả lại vốn góp: Hội đồng xét xử xét thấy mục đích các bên hướng đến khi ký kết hợp đồng là “*để đầu tư khu du lịch sinh thái tại Mũi Ông Quới, bãi Đá Ong, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang*”. Hợp đồng thể hiện nội dung Công ty TNHH SX-TM T&T đầu tư toàn bộ tiền để thực hiện dự án (Khoảng 9.000.000.000 đồng trả tiền mua đất, tiền thực hiện dự án khoảng 20.000.000.000 đồng) Công ty TNHH Biển T chịu trách nhiệm góp vốn bằng quyền sử dụng đất diện tích 15.000 m<sup>2</sup> do Công ty TNHH Biển T đang quản lý sử dụng và 15.000 m<sup>2</sup> do ông Ch và bà Y quản lý sử dụng, đồng thời Công ty TNHH Biển T chịu trách nhiệm tiến hành toàn bộ thủ tục hồ sơ xin cấp phép thực hiện dự án. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 270 ngày kể từ ngày Công ty TNHH SX-TM T&T chuyển tiền tạm ứng đợt 1.

Các bên ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh nhằm mục đích đầu tư sinh lợi, hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên.

Quá trình làm việc tại Tòa, các đương S đều thừa nhận tại thời điểm ký kết hợp đồng cho đến khi nguY đơn thực hiện việc khởi kiện thì dự án nói trên là không có thật. Do dự án “*Khu du lịch sinh thái*” không có thật nên đối tượng mà các bên hướng đến trong việc hợp tác đầu tư không thể thực hiện được. Phía bị đơn cũng đồng ý chấm dứt hợp đồng, đồng ý hoàn trả cho nguY đơn số tiền 4.050.000.000 đồng và tiền lãi. Do đó, nguY đơn yêu cầu bị đơn trả lại vốn góp là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 411 của [Bộ luật dân sự năm 2005](#), Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của nguY đơn, tuY bỏ hợp đồng góp vốn đầu tư là vô hiệu.

Do hợp đồng góp vốn bị vô hiệu nên căn cứ Điều 137 của Bộ luật dân S năm 2005 để giải quyết. Căn cứ các tài liệu về việc chuyển tiền thông qua tài khoản ngân hàng của nguY đơn đối với bị đơn và sự xác nhận của các đương sự tại biên bản hòa giải của TAND thành phố Rạch Giá, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định tổng số tiền nguY đơn đã chuyển cho bị đơn là 4.050.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 4.050.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về lãi suất: NguY đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với Hợp đồng kinh tế giữa ông Trần Văn Ch , bà Giang Thị Y đối với Công ty TNHH Biển T về việc liên doanh lập thủ tục dự án du lịch sinh thái mũi ông Quới- Bãi Đá Ông được xác lập ngày 31/7/2007 phía bà Y và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ch không có yêu cầu gì trong vụ kiện này nên Hội

đồng xét xử không xem xét. Trường hợp bà Y và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ch có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân S và Điều 26 của [Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty TNHH Biển T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Công ty TNHH SX-TM T&T là: 112.050.000 đồng {112.000.000 đồng + (50.000.000 đồng x 0,1%)}

**Vì các lẽ trên,**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân S năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 137; Điều 411 của Bộ luật dân S năm 2005;

TuY xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH SX-TM T&T đối với bị đơn Công ty TNHH Biển T về việc tranh chấp hợp đồng góp vốn.

2. TuY bỏ hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án khu du lịch sinh thái ngày 16/8/2007 và các phụ lục hợp đồng được ký kết giữa Công ty TNHH Biển T với Công ty TNHH SX-TM T&T là vô hiệu.

3. Buộc Công ty TNHH Biển T phải trả cho Công ty TNHH SX-TM T&T số tiền 4.050.000.000 đồng (Bốn tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Công ty TNHH Biển T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch là 112.050.000 đồng (Một trăm mười hai triệu không trăm năm chục ngàn đồng).

Trả lại cho Công ty TNHH SX-TM T&T tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 04642 ngày 30/1/2013 của Chi cục thi hành án thành phố Rạch Giá.

5. Quyền kháng cáo: Người đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ch vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.Rạch Giá
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.Rạch Giá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**Phạm Thị Thanh Loan**